

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
☆☆☆

HỢP ĐỒNG CHO VAY HẠN MỨC THẤU CHI

Số:.....

Hôm nay, ngày...../...../....., tạicác Bên gồm:

- **Bên Cho Vay:** Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng Chi nhánh/ Phòng giao dịch có mã số doanh nghiệp làdo Sở KH&ĐTcấp lần đầu ngày/...../....., đăng ký bổ sung lầnvào ngày/...../.....

- Địa chỉ trụ sở :

- Điện thoại : Fax:

- Đại diện : Ông/Bà.....Chức vụ:

(Theo Văn bản ủy quyền sốngày...../...../.....của.....)

- Thông tin khác:.....

Sau đây gọi là **Bên Ngân hàng**,

- **Bên Vay: Ông/Bà.....**

- Hộ khẩu thường trú tại:

- Địa chỉ hiện tại:

- CMND/Thẻ Căn cước công dân/Hộ chiếu số:.....do Công an.....
cấp ngày

(thông tin này có thể thay đổi phụ thuộc loại Giấy tờ tùy thân mà Bên vay cung cấp)

- Điện thoại nhà riêng:

- Điện thoại di động:

- Số CIF :

- Email (nếu có):

- Số tài khoản :tại Bên Ngân hàng

- Thông tin khác:

Đã thỏa thuận và nhất trí ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi ("**Hợp đồng**") này với các nội dung như sau:

Điều 1. Giải Thích Từ Ngữ

1. **Cho vay thấu chi:** là phương thức cho vay, theo đó Bên Ngân hàng cho phép Bên vay chi vượt số tiền có trên tài khoản thanh toán của Bên vay tại Bên Ngân hàng trong phạm vi Hạn mức thấu chi được cấp để thực hiện dịch vụ thanh toán trên tài khoản thanh toán. Bên vay phải trả lãi trên số tiền chi vượt quá và hoàn trả số tiền chi vượt quá này cho Bên Ngân hàng theo quy định của Hợp đồng này.

2. **Hạn mức thấu chi:** là số tiền tối đa mà Bên Ngân hàng cho phép Bên vay chi vượt số tiền có trên tài khoản thanh toán của Bên vay tại Bên Ngân hàng theo Hợp đồng này.
3. **Thời hạn duy trì Hạn mức thấu chi:** là khoảng thời gian Bên Ngân hàng cho phép Bên vay chi vượt số tiền có trên tài khoản thanh toán của Bên vay mở tại Bên Ngân hàng.
4. **Tài khoản thấu chi:** là tài khoản thanh toán bằng Đồng Việt Nam của Bên vay mở tại Bên Ngân hàng để sử dụng Hạn mức thấu chi được Bên Ngân hàng cấp theo quy định của Hợp đồng này.
5. Các thuật ngữ viết hoa khác không được giải thích trong Hợp đồng này sẽ được hiểu và giải thích theo các quy định có liên quan của Bên Ngân hàng trên cơ sở phù hợp các quy định có liên quan của pháp luật.

Điều 2. Tài Khoản Thấu Chi, Số Tiền Cho Vay, Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức Thấu Chi, Đồng Tiền Cho Vay, Mục Đích Sử Dụng Và Điều Kiện Cấp Hạn Mức Thấu Chi Và Thỏa Thuận Liên Quan

1. Tài khoản thấu chi số: mở tại
2. Hạn mức thấu chi:(Bằng chữ:).
3. Thời hạn duy trì Hạn mức thấu chi:(Bằng chữ:.....) tính từ ngày..... Trong thời hạn duy trì Hạn mức thấu chi, Bên vay có thể rút vốn vay (thấu chi) nhiều lần, nhưng dư nợ của khoản vay thấu chi tại mọi thời điểm không được vượt quá Hạn mức thấu chi như quy định tại Khoản 2 Điều này.
4. Mục đích sử dụng vốn: Vốn vay từ Hạn mức thấu chi được sử dụng cho các mục đích tiêu dùng hợp pháp, cụ thể:
 - a)
 - b)

Bên vay có trách nhiệm sử dụng vốn vay đúng mục đích và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bên Ngân hàng về mục đích sử dụng vốn vay của mình.

5. Phương thức thấu chi: Bên vay sẽ thực hiện thấu chi bằng phương thức:

Bên vay sử dụng vốn vay thấu chi thông qua việc sử dụng các dịch vụ thanh toán trên Tài khoản thấu chi do Bên Ngân hàng cung cấp từng thời kỳ. Bên vay có thể sử dụng dịch vụ thanh toán trên Tài khoản thấu chi tại trụ sở Bên Ngân hàng hoặc thông qua dịch vụ ngân hàng điện tử của Bên Ngân hàng nếu Bên vay có đăng ký sử dụng dịch vụ này. Bên vay không được rút vốn bằng tiền mặt. Bên vay phải rút vốn vay lần đầu trong thời hạn kể từ ngày ký kết Hợp đồng này, sau thời hạn này, Bên vay chỉ được rút vốn nếu được Bên Ngân hàng đồng ý. Trường hợp Bên vay không rút vốn hoặc được Bên Ngân hàng chấp nhận cho rút vốn lần đầu sau thời hạn cam kết nêu trên, Bên vay phải thanh toán phí cam kết rút vốn theo quy định tại Khoản 5, Điều 3 Hợp Đồng này.

6. Thời điểm nhận nợ: là thời điểm Bên vay sử dụng vốn vay thông qua các dịch vụ thanh toán qua tài khoản do Bên Ngân hàng cung cấp . Chứng từ chuyển khoản là văn bản xác nhận nợ của Bên vay. Các chứng từ, số liệu từ hệ thống của Bên Ngân hàng in ra liên quan đến nợ gốc, lãi, và phí của khoản vay hạn mức thấu chi theo Hợp đồng này sẽ là các chứng từ, số liệu về nợ gốc, lãi và phí của khoản vay mà Bên vay phải thanh toán cho Bên Ngân hàng.
7. Bên Ngân hàng chỉ thực hiện việc cho vay thấu chi nếu Bên vay và các Bên liên quan (nếu có) đáp ứng đầy đủ các điều kiện, thủ tục vay vốn theo quy định của pháp luật và quy định của Bên Ngân hàng theo sản phẩm cho vay hạn mức thấu chi mà Bên vay tham gia. Bên Ngân hàng có quyền từ chối giải ngân trong trường hợp quy định của pháp luật không cho phép giải ngân và/hoặc xảy ra trường hợp bất khả kháng nằm ngoài khả năng kiểm soát của Bên Ngân hàng dẫn đến việc Bên Ngân hàng không thể giải ngân.
8. Thỏa thuận khác:
 - a) Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán.
 - b) Trường hợp Bên Ngân hàng có yêu cầu về việc mua bảo hiểm cho Tài sản bảo đảm, Bên vay có nghĩa vụ phải thực hiện việc mua bảo hiểm hoặc bảo đảm Bên thứ ba liên quan mua bảo hiểm cho Tài sản bảo đảm theo đúng thời hạn và các điều kiện, yêu cầu của Bên Ngân hàng. Trường hợp Bên vay vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điểm này, Bên Ngân hàng được quyền áp dụng một, một số hoặc đồng thời các biện pháp sau đây:
 - i) Tăng lãi suất cho vay đối với khoản vay của Bên vay;
 - ii) Phạt vi phạm đối với Bên vay theo quy định tại Hợp đồng này;
 - iii) Dừng giải ngân, chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay theo Hợp đồng này.
 - c) Bên vay đồng ý rằng, khi xảy ra các trường hợp thu hồi nợ trước hạn nêu tại Khoản 1 Điều 7 Hợp đồng này và các trường hợp dưới đây, Bên vay đồng ý để Bên Ngân hàng dừng giải ngân, chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn đối với Bên vay:
 - i) Bên vay hoặc Bên thứ ba là cá nhân (trong trường hợp khoản vay được bảo đảm bằng tài sản của Bên thứ ba) bị khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi; chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân;
 - ii) Bên vay không cung cấp cho Bên Ngân hàng báo cáo tình hình thu nhập trong thời gian vay vốn theo yêu cầu của Bên Ngân hàng; không phối hợp với Bên Ngân hàng trong quá trình Bên Ngân hàng kiểm soát sau vay và/hoặc không cung cấp được cho Bên Ngân hàng các chứng từ, tài liệu phục vụ cho hoạt động kiểm soát sau vay của Bên Ngân hàng;
 - iii) Bên vay phát sinh dư nợ khác bị thu hồi nợ trước hạn tại Bên Ngân hàng hoặc tại các tổ chức tín dụng khác;

- iv) Bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi từ 03 kỳ trở lên, nghĩa vụ trả nợ gốc, phí, chi phí và bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác đối với Bên Ngân hàng theo thỏa thuận giữa Bên Ngân hàng và Bên vay tại Hợp Đồng này và các văn bản thỏa thuận liên quan;
 - v) Bên vay không thực hiện hoặc không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ của Bên vay trong trường hợp vượt hạn mức thấu chi nêu tại Hợp đồng này;
 - vi) Bên vay không thực hiện tái tục Hợp đồng bảo hiểm hoặc đóng phí duy trì Hợp đồng bảo hiểm theo yêu cầu của Bên Ngân hàng hoặc Bên vay bị Công ty bảo hiểm từ chối bán bảo hiểm.
 - vii) Phát sinh các sự kiện dẫn đến mục đích vay vốn của Bên vay không được thực hiện hoặc không tiếp tục được thực hiện.
- d) Ngoài các phương thức thông báo nêu tại Điều 15 Hợp đồng này, tùy theo chính sách của Bên Ngân hàng từng thời kỳ, Bên Ngân hàng có thể thông báo cho Bên vay thông qua phương thức niêm yết tại trụ sở địa điểm kinh doanh của Bên Ngân hàng. Khi gửi thông báo cho Bên vay hoặc đã thông báo trên website của Bên Ngân hàng, Bên Ngân hàng không có nghĩa vụ phải xác minh việc Bên vay đã nhận được các thông báo được Bên Ngân hàng gửi cho Bên vay.
- e) Bên vay đồng ý rằng Bên Ngân hàng được quyền:
- i) Trực tiếp kiểm tra hoặc yêu cầu Bên vay thông báo, cung cấp thông tin về việc tuân thủ pháp luật bao gồm pháp luật về môi trường;
 - ii) Có quyền sử dụng các thông tin về Bên vay và các khoản tín dụng của Bên vay bao gồm cả các thông tin từ các văn bản, các tài liệu do Bên vay cung cấp; các hợp đồng, văn bản ký kết giữa Bên vay và Bên Ngân hàng để cung cấp cho các đơn vị có chức năng cung cấp dịch vụ thông tin tín dụng và/hoặc đánh giá tín nhiệm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, hoặc cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật hoặc cung cấp cho các đối tác liên quan có hợp tác với Bên Ngân hàng để phát triển, cung cấp hoặc liên quan đến việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ của Bên Ngân hàng cho Bên vay;
 - iii) Tự động tạm khóa, trích, tất toán tài khoản (có kỳ hạn, không kỳ hạn) của Bên vay tại Bên Ngân hàng, các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của Bên vay tại Bên Ngân hàng hoặc lập ủy nhiệm thu yêu cầu các tổ chức tín dụng mở tài khoản cho Bên vay trích tiền chuyển cho Bên Ngân hàng để thu hồi các khoản nợ gốc, lãi tiền vay, phí, phạt, các khoản phải thanh toán, hoàn trả, bồi thường cho Bên Ngân hàng theo Hợp đồng này hoặc bất cứ khoản nợ, nghĩa vụ thanh toán nào khác của Bên vay đối với Bên Ngân hàng theo các cam kết, thỏa thuận hoặc văn bản khác ký kết giữa Bên Ngân hàng và Bên vay
 - iv) Trường hợp Bên vay có nhiều người, thì tất cả các Bên vay phải cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng này. Không phụ thuộc vào bất kỳ quy định hay thỏa thuận nào khác giữa các Bên vay, Bên Ngân hàng có quyền yêu cầu bất cứ ai trong số các Bên vay phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng này.

- f) Bằng việc ký kết Hợp đồng này, Bên vay xác nhận rằng Bên vay đã được Bên Ngân hàng cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến khoản vay trước khi xác lập Hợp đồng này bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin như lãi suất cho vay; nguyên tắc và các yếu tố xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; phương pháp tính tiền lãi; loại phí và mức phí; thông tin về Hợp đồng này.
- g) Bên vay đồng ý rằng, các khoản phí, chi phí liên quan đến việc thiết lập, quản lý và sử dụng tài khoản thanh toán nếu không được Bên vay thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ sẽ được tính và tự động ghi nợ vào Hạn mức thấu chi.
- h)

Điều 3. Lãi Suất Cho Vay, Phí Và Các Chi Phí Khác

1. Lãi suất cho vay (trong hạn): Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký Hợp đồng này là:%/năm. Mức lãi suất này được áp dụng để tính lãi theo cách phương pháp lãi quy định tại Hợp đồng này với một năm là 360 ngày. Để làm rõ, mức lãi suất quy đổi trên cơ sở một năm 365 ngày là%/năm, mức lãi suất quy đổi này không được áp dụng để tính lãi theo phương pháp tính lãi quy định tại Hợp đồng.

Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng trong trường hợp cơ cấu lại thời hạn trả nợ (lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ): Thực hiện theo quy định của Bên Ngân hàng tại thời điểm cơ cấu lại, nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm cơ cấu lại. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mức lãi suất cho vay áp dụng trong trường hợp cơ cấu lại cũng được điều chỉnh định kỳ như cách điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn theo thỏa thuận của Các Bên trong Hợp đồng này.

2. Phương thức điều chỉnh lãi suất:

a) Lãi suất cho vay trong hạn nêu tại Khoản 1 sẽ được giữ cố định trong suốt thời hạn duy trì Hạn mức vay thấu chi, ngoại trừ trường hợp bị điều chỉnh khi vượt Hạn mức thấu chi nêu tại điểm b) Khoản này.

b) Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng trong trường hợp vượt Hạn mức thấu chi: Trường hợp Bên vay vi phạm nghĩa vụ thanh toán, trả nợ dẫn đến dư nợ thực tế của Bên vay vượt quá Hạn mức thấu chi được cấp theo Hợp đồng này và Bên Ngân hàng không chấm dứt hạn mức thấu chi thì lãi suất cho vay trong hạn áp dụng đối với khoản nợ gốc chưa quá hạn được điều chỉnh bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng tại thời điểm Hạn mức thấu chi bị vượt. Lãi suất áp dụng đối với phần nợ lãi chậm thanh toán được thực hiện phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều này. Lãi suất theo quy định tại điểm b) này sẽ được áp dụng kể từ thời điểm Hạn mức thấu chi bị vượt đến thời điểm Bên vay thực tế thanh toán số tiền vượt hạn mức.

Các Bên thống nhất rằng khi xảy ra sự kiện điều chỉnh lãi suất như quy định nêu trên, Bên Ngân hàng sẽ tự động thực hiện việc điều chỉnh theo đúng các thỏa thuận nêu trên và không phải thông báo cho Bên vay. Bên vay đồng ý thực hiện thanh toán theo mức lãi suất mới kể từ thời điểm Bên Ngân hàng thực hiện việc điều chỉnh.

3. Lãi suất quá hạn: Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn và lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả được xác định như sau:

- a) Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.
- b) Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Phương pháp tính lãi:

- a) Phương pháp tính lãi áp dụng đối với dư nợ gốc: Tiền lãi được tính trên cơ sở một năm là 360 ngày. Số tiền lãi phải trả mỗi kỳ = Dư nợ gốc thực tế tại thời điểm tính lãi x Số ngày thực tế của kỳ tính lãi x Lãi suất đang áp dụng tại thời điểm tính lãi /360.
- b) Tiền lãi sẽ được tính từ khi Khách hàng nhận nợ vốn vay cho đến khi Khách hàng thực tế thanh toán hết toàn bộ dư nợ cho Bên Ngân hàng, không tính ngày trả nợ.

5. Các khoản phí: Bên vay có nghĩa vụ thanh toán cho Bên Ngân hàng các khoản phí, chi phí và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) cho Bên Ngân hàng theo đúng thời hạn, số lượng, phương thức mà Bên Ngân hàng yêu cầu, cụ thể:

- a) Phí thiết lập Tài khoản thấu chi: VND (Bằng chữ:).
- b) Phí duy trì và quản lý Tài khoản thấu chi: VND (Bằng chữ:).

Bên vay có nghĩa vụ thanh toán cho Bên Ngân hàng các khoản phí khác được Bên Ngân hàng niêm yết tại quầy giao dịch và/hoặc trên website của Bên Ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Biện Pháp Bảo Đảm

1. Để bảo đảm cho việc thực hiện các nghĩa vụ của Bên vay theo Hợp đồng này, Các Bên thống nhất áp dụng biện pháp cầm cố bằng số Số dư tiền gửi tiết kiệm sau thuộc sở hữu của chính Bên vay (sau đây gọi là “Khoản tiền gửi”).

STT	Số dư tiền gửi	Số tài khoản tiết kiệm	Ngày gửi	Ngày đến hạn

Toàn bộ số tiền lãi, quyền và các lợi ích phát sinh từ Tài sản nêu trên và Toàn bộ số tiền gửi là số tiền (gốc, lãi) được chuyển từ tài khoản tiết kiệm nêu trên vào tài khoản thanh toán bất kỳ của Bên vay mở tại Bên Ngân hàng (nếu có) đều thuộc Tài sản cầm cố.

2. Các Khoản tiền gửi là Tài sản cầm cố nêu tại Khoản 1 Điều này bảo đảm cho việc thực hiện **toàn bộ nghĩa vụ** của Bên vay đối với Bên Ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng này (bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung Hợp đồng (nếu có) được hiểu bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ khác của Bên vay đối với Bên Ngân hàng.

3. Việc cầm cố tài sản nêu trên có hiệu lực cho đến khi Bên vay thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ đối với Bên Ngân hàng và Bên Ngân hàng đã thực hiện các thủ tục giải tỏa đối với Tài sản cầm cố.
4. Bên vay xác nhận đồng ý rằng trường hợp tài khoản tiền gửi tiết kiệm cầm cố không phải loại tài khoản tự động tái tục thì hệ thống I2b của Bên Ngân hàng sẽ tự động chuyển tài khoản này về dạng tài khoản tiết kiệm tự động tái tục.
5. Bên Ngân hàng sẽ phong tỏa toàn bộ (các) Khoản tiền gửi nêu trên trong suốt thời gian cầm cố và chỉ giải tỏa các Khoản tiền gửi này khi Bên vay thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ với Bên Ngân hàng. Trong thời gian cầm cố, Bên Ngân hàng sẽ thực hiện xử lý các Khoản tiền gửi cầm cố để thu hồi nợ mà không cần có sự đồng ý của Bên vay trong các trường hợp sau:
 - a) Tại ngày hết hạn của Thời hạn hạn mức thấu chi hoặc trường hợp Hạn mức thấu chi bị chấm dứt trước hạn theo quy định tại Hợp đồng này mà Bên vay không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ dư nợ thấu chi (bao gồm nợ gốc, lãi thấu chi và phí (nếu có));
 - b) Bên vay vi phạm bất kỳ cam kết, nghĩa vụ nào quy định tại Hợp đồng này;
 - c) Bên vay chết hoặc bị tòa án tuyên bố chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự, ly hôn, bỏ trốn, bị khởi tố, chuyển nơi cư trú mà không thông báo cho Bên Ngân hàng;
 - d) Các trường hợp khác mà Bên Ngân hàng xét thấy cần thiết để bảo đảm thu hồi nợ vay trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.Bên Ngân hàng sẽ thông báo cho Bên vay theo một trong các phương thức quy định tại Hợp đồng này trước khi Bên Ngân hàng thực hiện xử lý Tài sản cầm cố. Việc xử lý tài sản sẽ được Bên Ngân hàng chủ động thực hiện sau khi thông báo mà không cần chấp thuận từ Bên vay.
6. Trường hợp phải xử lý Khoản tiền gửi cầm cố để thu hồi nợ theo quy định tại Khoản 5, Điều này, Bên Ngân hàng được quyền xử lý Khoản tiền gửi cầm cố theo các phương thức sau:
 - a) Tất toán toàn bộ và/hoặc trích tiền từ (các) Khoản tiền gửi cầm cố và sử dụng toàn bộ tiền gốc, lãi thu được từ (các) Khoản tiền gửi này để thu hồi nợ.
 - b) Các phương thức khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận bổ sung của Các Bên tại thời điểm xử lý.
7. Trong trường hợp Bên Ngân hàng trích tiền từ các Khoản tiền gửi nêu trên để thu hồi nợ thì toàn bộ các Khoản tiền gửi cầm cố đó sẽ được coi là rút trước hạn và tiền lãi sẽ được tính theo quy định về rút tiền tiết kiệm trước hạn của Bên Ngân hàng được công bố công khai tại thời điểm trích tiền.

8. Bên vay cam kết các Khoản tiền gửi cầm cố nêu trên hoàn toàn thuộc quyền sở hữu riêng, hợp pháp của Bên vay. Bên vay chưa tặng cho hoặc cam kết tặng cho, chưa nhập các Khoản tiền gửi cầm cố vào tài sản chung, chưa cầm cố các Khoản tiền gửi này với/tại bất kỳ tổ chức, cá nhân nào khác hoặc thiết lập bất kỳ biện pháp hạn chế, bảo đảm nào đối với các Khoản tiền gửi này. Các Khoản tiền gửi hiện tại không bị hạn chế giao dịch (bao gồm giao dịch cầm cố theo Hợp đồng này) bởi bất kỳ cam kết, thỏa thuận nào khác giữa Bên vay với bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào khác;
9. Bên vay có toàn quyền xác lập giao dịch cầm cố và các giao dịch khác liên quan tới các Khoản tiền gửi nêu trên với Bên Ngân hàng. Giao dịch cầm cố theo Hợp đồng này và các tài liệu liên quan do Bên vay xác lập có đầy đủ giá trị pháp lý và được bảo vệ, công nhận bởi pháp luật; Bên vay không được chuyển nhượng, chuyển đổi, tặng cho, góp vốn, dùng Tài sản cầm cố để bảo đảm cho nghĩa vụ khác hoặc thực hiện các hành vi tương tự đối với Tài sản cầm cố trong suốt thời hạn cầm cố, trừ trường hợp được Người có thẩm quyền của Bên Ngân hàng đồng ý trước bằng văn bản. Nếu Bên vay cố tình thực hiện các hành vi trên khi chưa được sự đồng ý của Bên Ngân hàng hoặc cố ý giấu giếm thông tin liên quan tới quyền (sở hữu, sử dụng ...) của tổ chức, cá nhân khác với các Khoản tiền gửi thì được coi là Bên vay có hành vi lừa đảo/lạm dụng tín nhiệm để chiếm đoạt tài sản của Bên Ngân hàng và Bên Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Bên vay.

Điều 5. Trả Nợ Gốc Và Lãi Tiền Vay

1. Khi Bên vay sử dụng tiền vay thuộc Hạn mức thấu chi, Bên Ngân hàng sẽ ghi Nợ các khoản tiền này vào Tài khoản thấu chi và các khoản tiền này được coi là các khoản nợ gốc.
2. Thời hạn và phương thức thanh toán nợ:
 - a) Thời hạn và phương thức thanh toán nợ gốc: Trong Thời hạn duy trì Hạn mức thấu chi, Bên Ngân hàng sẽ tự động trích thu bất kỳ khoản tiền nào được ghi có trên Tài khoản thấu chi để thu nợ gốc thấu chi và Bên vay có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ gốc thấu chi chậm nhất vào ngày kết thúc Thời hạn duy trì Hạn mức thấu chi theo Hợp đồng này.
 - b) Thời hạn và phương thức thanh toán nợ lãi:
 - i) Bên vay phải trả nợ lãi thấu chi cho Bên Ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần (“Kỳ thanh toán lãi”).
 - ii) Vào ngày 05 hàng tháng (“Ngày sao kê”), hệ thống của Bên Ngân hàng sẽ tự động tính toán tổng số tiền lãi vay phát sinh trong Kỳ thanh toán lãi (“Số Tiền Thanh Toán Lãi”). Trường hợp Ngày sao kê rơi vào ngày nghỉ theo quy định của Bên Ngân hàng thì tiền lãi vay sẽ được tính toán vào ngày làm việc liền trước Ngày sao kê. Hệ thống của Bên Ngân hàng sẽ tự động gửi thông báo chi tiết Số Tiền Thanh Toán Lãi của từng Kỳ thanh toán lãi đến số điện thoại của Bên vay đăng ký với Bên Ngân hàng vào ngày làm việc liền kề tiếp theo ngay sau Ngày sao kê của mỗi Kỳ thanh toán lãi.

- iii) Bên vay có trách nhiệm kiểm tra và thanh toán đúng hạn Số Tiền Thanh Toán Lãi cho Bên Ngân hàng trong vòng 10 ngày kể từ Ngày sao kê (“Ngày thanh toán”). Trong trường hợp vì bất kỳ lý do gì ngoài khả năng kiểm soát của Bên Ngân hàng mà Bên vay không nhận được thông báo Số Tiền Thanh Toán Lãi của các Kỳ thanh toán lãi, Bên vay vẫn có trách nhiệm thanh toán các khoản phải trả trong kỳ theo đúng thời hạn quy định tại Hợp đồng này, đồng thời thông báo cho Bên Ngân hàng để kiểm tra lại nguyên nhân.
- iv) Không phụ thuộc vào quy định tại Tiết i, ii, iii của Điểm b này, Bên Ngân hàng sẽ tự động trích thu bất kỳ khoản tiền nào được ghi có trên Tài khoản thấu chi để thu Số Tiền Thanh Toán Lãi mà Bên vay phải thanh toán và Bên vay có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ Số Tiền Thanh Toán Lãi của mỗi Kỳ thanh toán lãi chậm nhất vào Ngày thanh toán của Kỳ thanh toán lãi đó.
- c) Trường hợp ngày đến hạn trả nợ gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) trùng vào ngày nghỉ của Bên Ngân hàng hoặc ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, thì Bên vay phải trả nợ vào ngày làm việc liền ngay sau đó.
- d) Bên vay vay bằng loại tiền nào thì trả nợ gốc, lãi, các khoản phí và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan bằng loại tiền đó. Bên vay đồng ý rằng, trường hợp Bên vay có các tài khoản thanh toán khác ngoài Tài khoản thấu chi mở tại Bên Ngân hàng, khi các tài khoản này có số dư ghi có, Bên Ngân hàng có thể lựa chọn và quyết định việc trích thu tiền từ các tài khoản này để thu nợ gốc, lãi thấu chi. Trường hợp các tài khoản này có loại tiền khác với loại tiền vay, và Bên Ngân hàng có đủ nguồn ngoại tệ để mua hoặc bán cho Bên vay trả nợ, thì Bên Ngân hàng sẽ tự động mua hoặc bán ngoại tệ cho Bên vay theo tỷ giá mà Bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm đó để thu nợ. Trong trường hợp này, Bên Ngân hàng sẽ yêu cầu Bên vay ký, hoàn thiện các chứng từ mua, bán ngoại tệ theo quy định của Bên Ngân hàng, trường hợp Bên vay không thực hiện hoặc từ chối thực hiện, Bên Ngân hàng có quyền tự động thực hiện việc mua, bán ngoại tệ cho Bên vay theo quy định tại Hợp Đồng này. Việc Bên Ngân hàng bán ngoại tệ để Bên vay trả nợ được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật.
- e) Trong trường hợp vì bất kỳ lý do nào, khoản tiền Bên vay trả nợ cho Bên Ngân hàng bị khấu trừ, thu hồi một phần hoặc toàn bộ theo lệnh hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền, Bên vay có nghĩa vụ thanh toán số tiền bị thu hồi, khấu trừ đó cho Bên Ngân hàng trong vòng 05 ngày kể từ ngày Bên Ngân hàng thông báo cho Bên Vay về việc bị khấu trừ, thu hồi đó. Bên vay chấp nhận việc Bên Ngân hàng phục hồi lại số nợ tương ứng với số tiền bị khấu trừ, thu hồi (ghi nợ lại hoặc coi như Bên vay chưa thanh toán số nợ tương ứng số tiền bị khấu trừ, thu hồi).
- f) Các Bên thống nhất thỏa thuận về thứ tự thu nợ như sau:

- i) Trường hợp khoản vay chưa bị chuyển quá hạn, đối với mọi khoản tiền thu nợ, Bên Ngân hàng sẽ thu theo thứ tự ưu tiên như sau và có quyền thay đổi thứ tự ưu tiên đó mà không phụ thuộc vào ý chí của Bên vay và/hoặc các Bên liên quan: Các khoản chi phí, phí của Bên Ngân hàng (nếu có), các khoản tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, tiền lãi chậm trả trên nợ lãi, tiền lãi trên dư nợ gốc đến hạn, nợ gốc đến hạn và các khoản liên quan khác.
 - ii) Đối với khoản vay bị chuyển quá hạn, Bên Ngân hàng sẽ thực hiện thu theo thứ tự sau: chi phí xử lý tài sản bảo đảm, các khoản phí, chi phí của Bên Ngân hàng, các khoản tiền phạt, bồi thường thiệt hại (nếu có) nợ gốc quá hạn, tiền lãi chậm trả trên nợ lãi, tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn và các khoản liên quan khác.
3. Vào ngày hết Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi, Hạn mức thấu chi sẽ tự động bị đóng (=0). Tài khoản thấu chi tự động trở về tài khoản thanh toán thông thường. Toàn bộ dư nợ gốc chưa được thanh toán (nếu có) sẽ bị chuyển quá hạn và áp dụng mức lãi suất quá hạn theo quy định tại Khoản 3, Điều 3 Hợp đồng này. Phần nợ lãi chưa được thanh toán (nếu có) sẽ bị áp dụng lãi suất chậm trả theo quy định tại Khoản 3, Điều 3 Hợp đồng này.

Điều 6. Xử Lý Trong Trường Hợp Vượt Hạn Mức Thấu Chi

1. Sau khi Bên Ngân hàng ghi nợ Tài khoản thấu chi, nếu dư nợ thực tế trên Tài khoản thấu chi của Bên vay (dư nợ thực tế bao gồm dư nợ gốc và các khoản phí, chi phí có liên quan) vượt quá Hạn mức thấu chi thì Bên vay có nghĩa vụ thanh toán phần vượt quá này cho Bên Ngân hàng trong vòng 90 ngày tính từ ngày vượt hạn mức thấu chi. Lãi suất đối với dư nợ thấu chi trong trường hợp này sẽ được điều chỉnh theo đúng quy định tại Điểm b) Khoản 2 Điều 3 của Hợp đồng này. Hết thời hạn nêu tại Khoản 1 Điều này, nếu Bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ phần dư nợ thấu chi bị vượt hạn mức, Bên Ngân hàng sẽ chấm dứt cho vay, thu hồi nợ vay trước hạn toàn bộ dư nợ thấu chi.
2. Bên Ngân hàng và Bên vay có thể thỏa thuận bổ sung về các biện pháp xử lý khác ngoài các biện pháp quy định tại Khoản 1 nêu trên trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật và quy định của Hợp đồng này.

Điều 7. Chấm Dứt Cho Vay, Thu Hồi Nợ Trước Hạn Và Xử Lý Nợ

1. Các Bên thống nhất rằng Bên Ngân hàng có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) chấm dứt cho vay, dừng giải ngân và thu hồi **toàn bộ dư nợ còn lại** của Bên vay theo Hợp đồng này trước thời hạn trong những trường hợp sau đây:
 - a) Bên vay sử dụng vốn vay sai mục đích, có hành vi không trung thực, cung cấp thông tin sai sự thật, trốn tránh, thiếu thiện chí với Bên Ngân hàng trong quá trình vay vốn, trả nợ;
 - b) Bên vay bị chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết; bị Tòa án tuyên bố mất tích, bị mất năng lực hành vi dân sự; ly hôn, bỏ trốn hoặc thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho Bên Ngân hàng;
 - c) Xảy ra trường hợp vượt hạn mức thấu chi như quy định tại Điều 6 Hợp đồng này;

- d) Tình hình tài chính, thu nhập, tài sản của Bên vay giảm sút; phần lớn tài sản của Bên vay bị kê biên, phong tỏa, cầm giữ hoặc bị tranh chấp; Bên vay bị truy cứu trách nhiệm hình sự (khởi tố, bắt, truy tố, xét xử, chấp hành hình phạt tù...); Bên vay liên quan đến các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện mà Bên Ngân hàng nhận định là có thể ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Bên vay cho Bên Ngân hàng;
- e) Các tài sản bảo đảm tiền vay bị mất, hư hỏng, giảm sút giá trị, bị quy hoạch hoặc liên quan đến các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện mà Bên Ngân hàng nhận định là có khả năng ảnh hưởng đến việc thu hồi vốn của Bên Ngân hàng;
- f) Trường hợp khoản vay được bảo đảm bằng tài sản của Bên thứ ba mà xảy ra một trong các trường hợp sau:
- Bên thứ ba là cá nhân bị chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết; bị Tòa án tuyên bố mất tích, bị mất năng lực hành vi; ly hôn; bỏ trốn hoặc thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho Bên Ngân hàng;
 - Bên thứ ba là doanh nghiệp hoặc tổ chức khác thực hiện việc chuyển đổi, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản; thay đổi địa chỉ trụ sở, địa chỉ liên lạc mà không thông báo cho Bên Ngân hàng.
- g) Trường hợp Bên vay có nhiều khoản vay, khoản tín dụng khác tại Bên Ngân hàng, thì nếu có bất kỳ Hợp đồng tín dụng, khoản tín dụng nào phát sinh nợ quá hạn hoặc phải trả nợ trước hạn, thì Hợp đồng này có thể chưa đến hạn cũng được coi là đến hạn và Bên vay phải thanh toán ngay toàn bộ dư nợ còn lại cho Bên Ngân hàng;
- h) Bên vay vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào đối với Bên Ngân hàng theo Hợp đồng này, Hợp đồng bảo đảm tiền vay và các thỏa thuận khác giữa các Bên;
- i) Bên vay phát sinh nợ từ nhóm 03 trở lên tại Bên Ngân hàng và/hoặc tại các Tổ chức tín dụng khác trong thời hạn hạn mức thấu chi;
- j) Bên vay không bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm theo yêu cầu của Bên Ngân hàng;
- k) Bên vay không cung cấp, cung cấp không đầy đủ hoặc không đúng thời hạn các chứng từ chứng minh hoặc liên quan đến việc sử dụng vốn vay theo yêu cầu của Bên Ngân hàng; Bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các yêu cầu, chỉ dẫn của Bên Ngân hàng liên quan đến các công việc nhằm ký kết, thực hiện, duy trì Hợp đồng này, Hợp đồng bảo đảm (nếu có) như: công chứng, chứng thực, định giá, bảo hiểm, đăng ký giao dịch bảo đảm, tư vấn xác thực tài sản/giấy tờ, tư vấn giám sát, kiểm kê, quản lý tài sản bảo đảm; Bên vay vi phạm pháp luật, chính sách của Nhà nước; hoặc có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc Bên Ngân hàng phải thu hồi nợ trước hạn; hoặc phát sinh sự kiện thay đổi, ban hành mới chính sách, quy định pháp luật hay các quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan tới việc cho vay, lãi suất cho vay, cách tính lãi hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng, trường hợp khẩn cấp như khủng bố, chiến tranh, bạo động, đình công, bãi công, biểu tình, thiên tai hoặc các trường hợp khác mà khoản vay cần phải được thu hồi trước hạn phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Khi xảy ra một trong các trường hợp nêu tại khoản 1 Điều này, Bên Ngân hàng có quyền căn cứ vào tình hình thực tế và lựa chọn thời điểm thích hợp để quyết định ngừng giải ngân, chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn. Khi Bên Ngân hàng quyết định thu hồi nợ trước hạn, tất cả các khoản nợ gốc, lãi và các nghĩa vụ liên quan khác của Bên vay theo Hợp đồng này dù đã đến hạn hay chưa đến hạn đều trở thành khoản nợ đến hạn.
3. Bên Ngân hàng sẽ thông báo cho Bên vay về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn bằng một trong các hình thức thông báo như quy định tại Hợp đồng này. Thông báo của Bên Ngân hàng sẽ nêu rõ thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị thu hồi nợ trước hạn; thời hạn hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi nợ trước hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn và các thông tin khác liên quan tới nghĩa vụ trả nợ của Bên vay (nếu có). Bên vay cam kết thực hiện trả nợ trước hạn theo đúng Thông báo của Bên Ngân hàng.
4. Xử lý nợ vay: Trường hợp Bên vay không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ (bao gồm cả nghĩa vụ trả nợ trước hạn), ngoài việc chuyển quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn theo quy định tại Hợp đồng này, Bên Ngân hàng được quyền áp dụng các biện pháp để thu hồi nợ, bao gồm nhưng không giới hạn:
 - a) Xử lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận theo quy định của Hợp đồng bảo đảm;
 - b) Trích/tắt toán các tài khoản, các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của Bên vay tại Bên Ngân hàng và sử dụng tiền/tài sản có được để thu hồi nợ;
 - c) Yêu cầu các tổ chức tín dụng khác trích/tắt toán các tài khoản, các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của Bên vay tại tổ chức tín dụng đó (nếu có) để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Bên vay tại Bên Ngân hàng.
 - d) Đối trừ với các nghĩa vụ tài chính khác của Bên Ngân hàng đối với Bên vay (nếu có).
 - e) Các biện pháp xử lý nợ khác phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

Trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý nợ nhưng vẫn không đủ để bù đắp toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Bên vay với Bên Ngân hàng thì Bên vay có trách nhiệm tiếp tục trả đầy đủ các khoản nợ gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính chưa được thanh toán cho Bên Ngân hàng.

5. Trường hợp Bên vay muốn chấm dứt hạn mức thấu chi trước thời hạn, Bên vay phải thông báo trước bằng văn bản cho Bên Ngân hàng ít nhất 07 ngày làm việc và phải được Bên Ngân hàng đồng ý, đồng thời phải thanh toán cho Bên Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc, lãi thấu chi và khoản tiền phí hoặc tiền phạt trả nợ trước hạn theo mức quy định như sau:

.....

Điều 8. Cơ Cấu Lại Thời Hạn Trả Nợ Và Cấp Lại Hạn Mức Thấu Chi

1. Trước ngày hết Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi ít nhất là ngày, nếu Bên vay do gặp khó khăn tạm thời dẫn đến không có khả năng trả nợ đúng hạn, Bên vay có thể gửi văn bản đề nghị Bên Ngân hàng xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ.
2. Bên Ngân hàng trên cơ sở xem xét khả năng tài chính của mình và kết quả đánh giá khả năng trả nợ của Bên vay có quyền chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ của Bên vay. Nếu Bên vay được Bên Ngân hàng đồng ý cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ, khoản vay của Bên vay sẽ được áp dụng mức lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ phù hợp với thỏa thuận của Các Bên trong Hợp đồng này. Ngoài việc áp dụng lãi suất cơ cấu thời hạn trả

nợ, Bên vay đồng ý và cam kết tuân thủ đầy đủ các điều kiện theo yêu cầu của Bên Ngân hàng và thanh toán mọi khoản phạt, chi phí liên quan tới việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo mức được Bên Ngân hàng thông báo.

3. Thỏa thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ chỉ có giá trị khi được lập thành văn bản có chữ ký của người có thẩm quyền của các Bên.

Điều 9. Nợ Quá Hạn Và Chậm Thanh Toán Tiền Lãi

1. Bên Ngân hàng được quyền chuyển nợ quá hạn đối với dư nợ gốc của Bên vay trong các trường hợp sau:
 - a) Khi xảy ra trường hợp vượt quá hạn mức thấu chi và Bên Ngân hàng thực hiện chấm dứt cho vay, dừng giải ngân và thu hồi toàn bộ dư nợ còn lại.
 - b) Khi hết Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi mà Bên vay không thanh toán toàn bộ dư nợ gốc, nợ lãi và các khoản tiền phí (nếu có) trong ngày cuối cùng của Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi.
 - c) Bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ khi Bên Ngân hàng chấm dứt cho vay và thực hiện thu hồi nợ trước hạn như quy định tại Khoản 2, Điều 7 của Hợp đồng này.
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của Hợp đồng này.
2. Khoản nợ quá hạn sẽ phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn tính từ thời điểm chuyển sang nợ quá hạn cho đến khi Bên vay thực tế thanh toán toàn bộ các khoản phải trả cho Bên Ngân hàng.
3. Bên Ngân hàng sẽ thông báo cho Bên vay về việc chuyển nợ quá hạn bằng một trong các hình thức thông báo như quy định tại Hợp đồng này. Thông báo của Bên Ngân hàng bao gồm các nội dung về dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn, các thông tin khác liên quan (nếu có).
4. Trường hợp Bên vay không trả đúng hạn tiền lãi theo thỏa thuận giữa Các Bên trong Hợp đồng này và các thỏa thuận liên quan, khoản lãi chậm thanh toán sẽ bị Bên Ngân hàng chuyển nợ quá hạn đồng thời Bên vay có nghĩa vụ thanh toán cho Bên Ngân hàng khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại Hợp đồng này.
5. Kể từ thời điểm quá hạn, Bên Ngân hàng có quyền áp dụng các biện pháp theo thỏa thuận tại Hợp đồng này và/hoặc các biện pháp theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

Điều 10. Cung Cấp Thông Tin, Tài Liệu Trong Quá Trình Cho Vay

1. Bên vay cam kết cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan đến khoản vay tại thời điểm đề nghị cho vay bao gồm nhưng không giới hạn thông tin về điều kiện pháp lý, phương án sử dụng vốn, khả năng tài chính, điều kiện về tuân thủ pháp luật và cam kết toàn bộ thông tin, tài liệu đã cung cấp là đầy đủ, chân thực và chính xác. Bên vay chịu trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp vi phạm cam kết quy định tại Khoản này dẫn đến kết quả thẩm định và quyết định cho vay của Bên Ngân hàng bị ảnh hưởng.
2. Trong quá trình vay vốn, Bên vay có trách nhiệm cung cấp cho Bên Ngân hàng các thông

tin, tài liệu quy định dưới đây để phục vụ cho việc kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của Bên Ngân hàng:

- a) Các tài liệu liên quan tới việc sử dụng vốn vay và chứng minh Bên vay sử dụng vốn vay đúng mục đích theo yêu cầu của Bên Ngân hàng;
 - b) Báo cáo tình hình thu nhập của Bên vay, nội dung, hình thức và thời gian báo cáo thực hiện theo yêu cầu của Bên Ngân hàng;
 - c) Các thông tin, tài liệu liên quan đến tình trạng của tài sản bảo đảm;
 - d) Các thông tin, tài liệu khác có liên quan theo yêu cầu của Bên Ngân hàng.
3. Trường hợp vi phạm các cam kết, nghĩa vụ về cung cấp thông tin theo quy định tại Điều này, Bên vay đồng ý với các biện pháp xử lý mà Bên Ngân hàng áp dụng đồng thời cam kết thanh toán đầy đủ các khoản tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại cho Bên Ngân hàng phù hợp với thỏa thuận của Các Bên theo Hợp đồng này.

Điều 11. Phạt Vi Phạm Và Bồi Thường Thiệt Hại

1. Trường hợp Bên vay vi phạm nghĩa vụ, cam kết, trách nhiệm theo quy định tại Hợp đồng này và bất kỳ thỏa thuận nào khác giữa Bên Ngân hàng và Bên vay, Bên vay phải chịu phạt vi phạm theo mức 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm hoặc mức phạt tối đa khác theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ. Ngoài việc phải thanh toán tiền phạt vi phạm như quy định tại Khoản này, Bên vay có nghĩa vụ bồi thường cho Bên Ngân hàng toàn bộ các thiệt hại phát sinh mà Bên Ngân hàng phải gánh chịu do vi phạm của Bên vay.
2. Khi phát sinh vi phạm, Bên Ngân hàng sẽ thông báo cho Bên vay về số tiền phạt vi phạm, số tiền bồi thường thiệt hại, các chi phí khác và thời hạn thanh toán các khoản tiền này, thông báo này có giá trị ràng buộc nghĩa vụ thanh toán của Bên vay. Ngoài số tiền phạt vi phạm, số tiền bồi thường, Bên vay đồng ý bồi hoàn cho Bên Ngân hàng đầy đủ các khoản chi phí giám định, định giá, thẩm định cấp tín dụng, phí luật sư và các chi phí phát sinh khác mà Bên Ngân hàng đã thanh toán trong trường hợp khoản vay không được giải ngân, chấm dứt cho vay, thu hồi nợ do lỗi của Bên vay. Việc bồi thường, bồi hoàn sẽ thực hiện theo thông báo của Bên Ngân hàng và Bên Ngân hàng không cần cung cấp bất kỳ chứng từ chứng minh thiệt hại nào.
3. Thỏa thuận về phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại tại Điều này không áp dụng trong trường hợp Bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi tiền vay theo quy định tại Hợp đồng này.
4. Việc áp dụng các biện pháp phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại không ảnh hưởng tới quyền của Bên Ngân hàng trong việc áp dụng các biện pháp xử lý khác khi Bên vay vi phạm theo Hợp đồng này.

Điều 12. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Bên Ngân Hàng

1. Quyền của Bên Ngân hàng:
 - a) Từ chối cấp hạn mức thấu chi nếu Bên vay không đáp ứng đầy đủ điều kiện, thủ tục theo yêu cầu của Bên Ngân hàng hoặc Bên Ngân hàng không thể giải ngân theo quy định của Hợp đồng này;

- b) Được quyền điều chỉnh lãi suất cho vay hạn mức thấu chi tài khoản đối với Bên vay cho phù hợp khi thị trường có biến động bất thường hoặc chính sách tiền tệ và lãi suất của Ngân hàng Nhà nước có sự thay đổi ảnh hưởng đến lãi suất thấu chi. Trường hợp, Bên vay không đồng ý với các nội dung điều chỉnh của Bên Ngân hàng, Bên vay có quyền trả nợ và chấm dứt Hạn mức thấu chi trước hạn và không phải thanh toán phí trả nợ trước hạn cho Bên Ngân hàng;
- c) Được quyền yêu cầu Bên vay sử dụng mọi tài sản, nguồn thu của Bên vay để thanh toán các khoản nợ cho Bên Ngân hàng đầy đủ, đúng hạn;
- d) Được quyền liên hệ trực tiếp với các bên có nghĩa vụ tài sản đối với Bên vay để nhận các khoản tiền, tài sản mà bên đó phải trả hoặc phải giao cho Bên vay;
- e) Được quyền trực tiếp kiểm tra hoặc yêu cầu Bên vay thông báo, cung cấp thông tin về việc sử dụng vốn vay, tình hình tài chính, tài sản, thu nhập của Bên vay, về tài sản bảo đảm và các thông tin khác liên quan đến khoản vay hoặc đến tình hình thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Bên vay;
- f) Được yêu cầu Bên vay bổ sung thêm tài sản của mình hoặc của Bên thứ ba vào thế chấp, cầm cố, ký quỹ cho Bên Ngân hàng trong các trường hợp Bên Ngân hàng nhận định rằng giá trị tài sản bảo đảm hiện tại không đủ để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Bên vay;
- g) Được tạm khóa, phong tỏa tại bất kỳ thời điểm nào và tự động trích bất kỳ tài khoản nào của Bên vay (tài khoản có kỳ hạn, không kỳ hạn) mở tại Bên Ngân hàng hoặc tại Tổ chức tín dụng khác để thu phí, thu nợ. Bằng Hợp đồng này, Bên vay ủy quyền không hủy ngang cho Bên Ngân hàng được tạm khóa, phong tỏa tại bất kỳ thời điểm nào, trích tiền từ tài khoản của Bên vay mở tại Tổ chức tín dụng khác để thu nợ theo hình thức ủy nhiệm thu. Trường hợp tài khoản của Bên vay mở tại Bên Ngân hàng có loại tiền khác với loại tiền cấp hạn mức thấu chi và Bên Ngân hàng có đủ nguồn tiền để mua hoặc bán cho Bên vay trả nợ, thì Bên Ngân hàng sẽ tự động mua hoặc bán ngoại tệ cho Bên vay theo tỷ giá mà Bên Ngân hàng đang áp dụng được công bố công khai tại thời điểm đó để thu nợ;
- h) Được quyền xử lý tài sản bảo đảm của Bên vay và/hoặc Bên thứ ba (nếu có) theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ;
- i) Có toàn quyền chuyển giao, bán cho Bên thứ ba toàn bộ hoặc một phần khoản nợ của Bên vay theo Hợp đồng này mà không cần phải có sự đồng ý của Bên vay trên cơ sở phù hợp với các quy định của Ngân hàng nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan;
- j) Trường hợp Bên vay là cán bộ, nhân viên của Bên Ngân hàng, nếu Bên vay nghỉ việc tại Bên Ngân hàng, Bên Ngân hàng được quyền sử dụng một phần hoặc toàn bộ các khoản tiền mà Bên Ngân hàng phải thanh toán cho Bên vay khi Bên vay nghỉ việc (tiền lương, tiền thưởng, tiền trợ cấp) để thu hồi các khoản nợ, các nghĩa vụ tài chính của Bên vay đối với Bên Ngân hàng theo Hợp đồng này.

2. Nghĩa vụ của Bên Ngân hàng:

- a) Cấp Hạn mức thấu chi cho Bên vay theo đúng thỏa thuận;
 - b) Giải chấp tài sản bảo đảm sau khi Bên vay đã thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với Bên Ngân hàng.
 - c) Bảo mật thông tin của Bên vay và chỉ chuyển giao thông tin của Bên vay cho Bên thứ ba khi được Bên vay đồng ý hoặc theo yêu cầu của pháp luật.
3. Bên Ngân hàng có các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Hợp đồng này, Hợp đồng bảo đảm và theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Bên Vay

1. Quyền của Bên vay:

- a) Được nhận và sử dụng Hạn mức thấu chi được Bên Ngân hàng cấp theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng này;
- b) Được yêu cầu Bên Ngân hàng giải chấp tài sản bảo đảm (nếu có) sau khi Bên vay hoàn thành tất cả các nghĩa vụ với Bên Ngân hàng.

2. Nghĩa vụ của Bên vay:

- a) Cung cấp đầy đủ, chính xác và trung thực các thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc cấp Hạn mức thấu chi theo yêu cầu của Bên Ngân hàng trong suốt quá trình vay vốn;
- b) Cung cấp thông tin và/hoặc tạo mọi điều kiện để Bên Ngân hàng trực tiếp kiểm tra về tình hình sử dụng hạn mức thấu chi, tình hình tài sản, thu nhập của Bên vay, về tài sản bảo đảm và các thông tin khác liên quan đến hạn mức được cấp hoặc đến tình hình thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Bên vay;
- c) Bổ sung thêm tài sản vào thế chấp, cầm cố, ký quỹ... để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng này trong các trường hợp Bên Ngân hàng yêu cầu;
- d) Thực hiện đúng các quy định về lãi suất đã được quy định tại Hợp đồng này và các văn bản liên quan;
- e) Thực hiện đúng các nghĩa vụ theo Hợp đồng này, Hợp đồng bảo đảm và các văn bản liên quan ký giữa các Bên, nếu vi phạm mà gây thiệt hại thì bồi thường cho Bên Ngân hàng toàn bộ thiệt hại phát sinh trong phạm vi pháp luật cho phép, có thể bao gồm như: chi phí tìm kiếm, thu giữ xử lý tài sản bảo đảm; chi phí luật sư, án phí, lệ phí Tòa án, phí thi hành án; các khoản chi phí mà Bên Ngân hàng phải bồi thường hay chịu phạt với Bên thứ ba do vi phạm của Bên vay trực tiếp hoặc gián tiếp gây nên v.v...;
- f) Bên vay cam kết sử dụng vốn vay để thanh toán cho bên thụ hưởng là cá nhân không có tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán hoặc để thanh toán trong các trường hợp khác mà pháp luật cho phép. Bên vay có trách nhiệm cung cấp cho Bên Ngân hàng các thông tin, tài liệu, chứng từ thanh toán cần thiết để Bên Ngân hàng thực hiện giải ngân và cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu và chứng từ cung cấp cho Bên Ngân hàng.

- g) Sử dụng Hạn mức thấu chi đúng mục đích và thanh toán cho Bên Ngân hàng các khoản phí, nợ gốc, lãi và các khoản chi phí phát sinh khác đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng này;
- h) Trường hợp thôi việc tại Cơ quan đang làm việc thì phải dùng toàn bộ tiền trợ cấp thôi việc và các khoản tiền, tài sản khác mà Cơ quan đó trả cho Bên vay để thanh toán nợ cho Bên Ngân hàng. Bên Ngân hàng được quyền liên hệ và trực tiếp nhận số tiền, tài sản nêu trên từ Cơ quan đang làm việc của Bên vay để thu hồi nợ.
- i) Thông báo cho Bên Ngân hàng trước khi Bên vay nghỉ việc tại Cơ quan đang làm việc và trước khi Bên vay nhận bất kỳ khoản tiền trợ cấp thôi việc hay khoản tiền khác từ Cơ quan đang làm việc;
- j) Thông báo bằng văn bản cho Bên Ngân hàng trong vòng 05 ngày kể từ ngày xảy ra một trong các trường hợp sau:
- Xảy ra một trong các trường hợp nêu tại điểm (b); (d); (e) và (f) Khoản 1, Điều 7 của Hợp đồng này;
 - Bên vay ly hôn, thay đổi Hộ khẩu thường trú, địa chỉ liên lạc, điện thoại và/hoặc thay đổi khác ảnh hưởng đến việc thông tin, liên lạc giữa hai Bên.
- k) Bên vay đồng ý rằng, khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây, Bên vay sẽ không được Bên Ngân hàng tiếp tục giải ngân, sẽ bị chấm dứt hạn mức thấu chi trước hạn và phải thực hiện trả nợ trước hạn cho Bên Ngân hàng (nếu đã phát sinh dư nợ):
- Bên vay không thực hiện rút vốn trong thời hạn (nếu có) được quy định trong Hợp đồng này, các văn bản có liên quan và/hoặc yêu cầu của Bên Ngân hàng;
 - Bên Ngân hàng không thực hiện giải ngân được do Bên vay không đáp ứng đủ các điều kiện giải ngân/cấp tín dụng;
 - Các hồ sơ, thông tin Bên vay cung cấp cho Bên Ngân hàng là không chính xác, không trung thực; Bên Ngân hàng nhận định Bên vay có dấu hiệu gian lận, giả mạo khi vay vốn hoặc tài sản bảo đảm cho khoản vay của Bên vay có dấu hiệu phát sinh tranh chấp, khiếu nại;
- Trong các trường hợp nêu trên, Bên vay cam kết sẽ bồi thường cho Bên Ngân hàng đầy đủ các khoản chi phí giám định, định giá, thẩm định cấp tín dụng mà Bên Ngân hàng đã thanh toán hoặc phải gánh chịu. Ngoài các chi phí nêu trên, Bên vay phải bồi thường các chi phí, các thiệt hại thực tế khác cho Bên Ngân hàng theo quy định của pháp luật từng thời kỳ.
- l) Không được chuyển nhượng các quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này cho Bên thứ ba, trừ trường hợp được Bên Ngân hàng đồng ý trước bằng văn bản phù hợp với quy định có liên quan của pháp luật.
3. Bên vay có các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Hợp đồng này, Hợp đồng bảo đảm tiền vay, các văn bản khác ký kết với Bên Ngân hàng và theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Luật Áp Dụng Và Giải Quyết Tranh Chấp

1. Các tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được Các Bên bàn bạc xử lý trên tinh thần hợp tác, bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau.
2. Trường hợp Các Bên không tự thỏa thuận được hoặc không muốn thỏa thuận với nhau, một trong Các Bên có quyền khởi kiện ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật. Các Bên thống nhất rằng, địa chỉ của Các Bên như nêu tại phần đầu của Hợp đồng này là địa chỉ được sử dụng để Tòa án xác định thẩm quyền giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật. Trường hợp Bên vay thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho Bên Ngân hàng bằng văn bản, thì được hiểu là Bên vay cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ và Bên Ngân hàng có quyền yêu cầu Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Điều 15. Trao Đổi Thông Tin

- ii. Bên Ngân hàng sẽ thông báo cho Bên vay các vấn đề liên quan tới khoản vay theo Hợp đồng này cũng như các sản phẩm, dịch vụ của Bên Ngân hàng bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung, các điều chỉnh về chính sách của Bên Ngân hàng đối với các khoản vay theo Hợp đồng này bằng một trong các phương thức liên hệ do Bên Ngân hàng triển khai từng thời kỳ bao gồm phương thức gửi văn bản thông báo tới địa chỉ của Bên vay, gọi điện thoại, gửi tin nhắn SMS tới số điện thoại của Bên vay, gửi email tới Bên vay và thông báo trên website chính thức của Bên Ngân hàng (website: www.vpbank.vn).
- iii. Các Bên thống nhất đồng ý rằng địa chỉ, số điện thoại và email của Bên vay như nêu tại Khoản 1 nêu trên là địa chỉ, số điện thoại và email của Bên vay như nêu tại phần đầu của Hợp đồng này. Bên vay được coi là đã nhận được thông báo của Bên Ngân hàng khi Bên Ngân hàng đã thông báo bằng các phương thức nêu trên tới địa chỉ, số điện thoại, email của Bên vay. Trường hợp Bên vay có sự thay đổi địa chỉ, số điện thoại, email liên hệ hoặc cần trao đổi thông tin với Bên Ngân hàng thì phải thông báo cho Bên Ngân hàng bằng văn bản; nếu không thông báo thì Bên Ngân hàng có quyền thông báo theo địa chỉ, số điện thoại và email cũ và mặc nhiên coi như Bên vay đã nhận được thông báo khi Bên Ngân hàng thông báo tới địa chỉ, số điện thoại và email này và nội dung các thông báo này có giá trị ràng buộc Bên vay.
- iv. Bên vay được coi là chấp thuận toàn bộ những nội dung sửa đổi theo thông báo của Bên Ngân hàng nếu Bên vay tiếp tục duy trì khoản thấu chi tại Bên Ngân hàng sau 01 ngày kể từ ngày Bên Ngân hàng thông báo. Nếu Bên vay không đồng ý với các nội dung sửa đổi, điều chỉnh của Bên Ngân hàng, Bên vay được quyền trả nợ trước hạn và không phải thanh toán phí trả nợ trước hạn cho Bên Ngân hàng.

Điều 16. Điều Khoản Thi Hành

1. Các Bên thống nhất thực hiện theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng này và các cam kết, thỏa thuận khác nhằm thực hiện Hợp đồng giữa các Bên (nếu có) được lập bằng văn bản hoặc bằng phương thức khác theo quy định của Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp có điều khoản nào đó của Hợp đồng này bị vô hiệu theo phán quyết của cơ quan có thẩm quyền thì các điều khoản còn lại vẫn giữ nguyên hiệu lực với các Bên. Các Bên sẽ bàn bạc, thỏa thuận để sửa đổi, bổ sung lại điều khoản đó cho phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Bên vay thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ đối với Bên Ngân hàng, được lập thành 03 bản, có giá trị pháp lý như nhau, Bên vay giữ 01 bản, Bên Ngân hàng giữ 02 bản.
4. Các Bên xác nhận rằng việc giao kết Hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không giả tạo, không bị ép buộc, lừa dối, đe dọa, nhầm lẫn. Từng bên một đã đọc lại, hiểu rõ, nhất trí và cùng ký tên dưới đây.

BÊN VAY

(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN NGÂN HÀNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)